

Bản án số: **93/2020/DS-ST**

Ngày: 07/8/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Văn Tánh.

Trong ngày 07/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 302/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-DS ngày 09/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HPT ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH MTV S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phú V, chức vụ: Giám đốc Pháp chế và tuân thủ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trịnh Lâm Khả T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tầng 23, Trung tâm M, 37 đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Minh N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 180/68 Đường T, Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trịnh Lâm Khả T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2019; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/5/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Công ty Tài chính TNHH MTV S) là ông Trịnh Lâm Khả T trình bày:

Ngày 06/01/2016, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (gọi tắt là Công ty S) và bà Lê Thị Minh N ký hợp đồng tín dụng số 10768994. Theo đó, Công ty S đồng ý duyệt cho bà Lê Thị Minh N vay số tiền 57.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày giải ngân, lãi suất (tính theo dư nợ giảm dần) là 38%/năm. Mục đích vay là được dùng để trang trải các chi phí tiêu dùng cá nhân. Bên vay phải trả nợ gốc và lãi mỗi tháng một lần vào ngày 01 hằng tháng. Số tiền gốc và lãi cho mỗi lần trả nợ là căn cứ vào bảng kế hoạch thanh toán (phụ lục số 2). Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/02/2016.

Đến ngày 15/5/2017, bà Lê Thị Minh N đã thanh toán được 12 kỳ, tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 29.021.900 đồng (tiền gốc là 7.462.400 đồng, tiền lãi là 21.559.500 đồng).

Từ ngày 16/5/2017 đến nay, bà N đã không thực hiện việc thanh toán như cam kết trong hợp đồng. Mặc dù, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Minh N không thanh toán cho Công ty S số tiền nợ còn lại.

Việc bà N không thanh toán số tiền nợ còn thiếu đã gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty S. Do đó, Công ty S yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 buộc bà Lê Thị Minh N thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 10768994 ký ngày 06/01/2016 với tổng số tiền nợ tạm tính cho đến ngày 08/7/2020 là 133.619.446 đồng (trong đó nợ gốc 49.537.600 đồng, nợ lãi 33.600.300 đồng, tiền phạt 50.481.546 đồng).

Ngày 29/5/2020, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà N phải trả số tiền phạt là 50.481.546 đồng. Nên Công ty tài chính TNHH MTV S yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Lê Thị Minh N phải thanh toán số nợ còn lại là 83.137.900 đồng (trong đó nợ gốc 49.537.600 đồng, nợ lãi 33.600.300 đồng).

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn là bà Lê Thị Minh N: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Lâm Khả T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn là bà Lê Thị Minh N đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, giải quyết và tại các phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 10768994 ngày 06/01/2016 thì bà Lê Thị Minh N có ký hợp đồng vay của Công ty TNHH MTV Tài chính

Prudential Việt Nam (nay là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S) số tiền 57.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã đóng được 12 kỳ, kỳ cuối vào ngày 15/5/2017, tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 29.021.900 đồng (tiền gốc là 7.462.400 đồng, tiền lãi là 21.559.500 đồng), sau đó không thanh toán. Tính đến ngày 07/8/2020 bà Lê Thị Minh N còn nợ Công ty tài chính TNHH MTV S số tiền là 83.137.900 đồng (trong đó nợ gốc 49.537.600 đồng, nợ lãi 33.600.300 đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 buộc bà Lê Thị Minh N phải thanh toán số tiền nợ như đã nêu trên là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Bà Lê Thị Minh N ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền để sử dụng tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền theo lãnh thổ:

Bà Lê Thị Minh N có nơi cư trú tại số 180/68 Đường T, Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Lâm Khả T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là bà Lê Thị Minh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N, nhưng bà N vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.]

[Về nội dung:

- Ngày 29/5/2020, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu

cầu bị đơn phải trả số tiền phạt là 50.481.546 đồng.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt là 50.481.546 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ 83.137.900 đồng (nợ gốc 49.537.600 đồng và nợ lãi 33.600.300 đồng), thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S cung cấp thể hiện: Ngày 06/01/2016, bà Lê Thị Minh N có ký Hợp đồng tín dụng số 10768994 vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam (nay là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S) số tiền 57.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày giải ngân, lãi suất (tính theo dư nợ giảm dần) là 38%/năm. Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Theo bản kê chi tiết các giao dịch của bà N thì tính đến ngày 15/5/2017 bà N đã thanh toán được 12 kỳ với tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 29.021.900 đồng (tiền gốc là 7.462.400 đồng, tiền lãi là 21.559.500 đồng).

Từ ngày 16/5/2017 đến nay bà Lê Thị Minh N không thanh toán thêm cho Công ty S bất cứ khoản nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã nêu trong Thông báo thụ lý. Như vậy bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện; Bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án, gồm: Hợp đồng tín dụng số 10768994, Giấy nhận nợ, Phiếu yêu cầu giải ngân, Bản phụ lục hợp đồng, bảng kế hoạch thanh toán, Bản Điều khoản cơ bản Hợp đồng tín dụng cá nhân, Bản sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch đối với các giao dịch của bị đơn...

Do đó, việc bà Lê Thị Minh N không thanh toán nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S đúng hạn là đã vi phạm cam kết trả nợ theo điểm b khoản 1 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết với bên nguyên đơn và Điều 4 Bản điều khoản cơ bản Hợp đồng tín dụng cá nhân, nên nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Minh N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thực trả xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tính đến ngày xét xử (07/8/2020) bà Lê Thị Minh N còn nợ Công ty S số tiền là 83.137.900 đồng (trong đó nợ gốc 49.537.600 đồng, nợ lãi 33.600.300 đồng). Buộc bà Lê Thị Minh N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/8/2020, bà Lê Thị Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10768994 ký kết ngày 06/01/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. (Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Minh N có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.156.895 đồng, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.340.486 đồng theo biên lai thu số 0011841 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S đối với bà Lê Thị Minh N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc bà Lê Thị Minh N phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S toàn bộ số tiền nợ là **83.137.900 đồng (Tám ba triệu một trăm ba bảy ngàn chín trăm đồng)**, trong đó: nợ gốc là 49.537.600 đồng, nợ lãi (tạm tính đến ngày 07/8/2020 là 33.600.300 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/8/2020, bà Lê Thị Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã

thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10768994 ký kết ngày 06/01/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt là 50.481.546 đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Minh N phải chịu án phí là 4.156.895 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.340.486 đồng theo biên lai thu số 0011841 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú